

Phụ lục 12: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

- + Nguồn gốc.
- + Tuổi trung bình hoặc năm trồng.
- + Nguồn vật liệu giống ban đầu.
- + Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống
- + Diện tích trồng.
- + Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.
- + Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.
- + Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.
- + Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tía thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

8. Tên thủ tục: *Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Phương án quản lý rừng bền vững; - Chứng chỉ quản lý rừng bền vững; - Văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ; - Biên bản nghiệm thu thiết kế khai thác giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn (nếu thuê đơn vị tư vấn); - Các tài liệu và bản đồ khu khai thác. <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Các tổ chức có khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác (<i>mẫu tại Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i> - <i>Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>

Phụ lục 3: Mẫu giấy đề nghị cấp phép khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC

Kính gửi:.....

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác.....

- Địa chỉ:.....

đượcgiao quản lý, sử dụngha rừng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng sốngày..... tháng....năm..... (hoặc Quyết định giao, cho thuê đất, rừng số.....ngày.....tháng....năm..... của)

Xin đăng ký khai thác.....tại lô.....khoảnh.....tiểu khu.....; với số lượng, khối lượng gỗ, lâm sản.

Kèm theo các thành phần hồ sơ gồm:

.....
.....
.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét, cho ý kiến./.

Chủ rừng (Đơn vị khai thác)

(ký tên ghi rõ họ tên đóng dấu nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC CHỌN
GỖ RỪNG TỰ NHIÊN
TÊN CHỦ RỪNG...
NĂM KHAI THÁC...

Địa danh khai thác (tiểu khu, khoảnh)	Tổng số lô khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Sản lượng khai thác (m ³)
			1. Tổng gỗ: - Gỗ thân (gỗ lớn) khai thác chính: - Gỗ cành, ngọn khai thác chính: - Gỗ tận dụng: 2. Củi:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ...
NĂM THIẾT KẾ...

Phần I TÌNH HÌNH CƠ BẢN

1. Vị trí, diện tích

a) Vị trí

Khu vực thiết kế khai thác nằm ở khoảnh..., tiểu khu... thuộc xã..., huyện..., tỉnh... .Có tọa độ X, Y theo bản đồ địa hình VN 2000:

Toạ độ X:

Toạ độ Y:

b) Diện tích

Diện tích thiết kế khai thác... ha (theo khoảnh, tiểu khu)

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình

TT	Yếu tố địa hình	Tối thiểu	Trung bình	Tối đa
1	Độ cao tuyệt đối (m)			
2	Độ dốc (độ)			

2.2. Đất đai

Loại đất, thành phần cơ giới, tỷ lệ đá lẫn, cấp đất...

2.3. Khí hậu, thủy văn

a) Nhiệt độ không khí

- Nhiệt độ trung bình năm
- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất
- Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất

b) Lượng mưa

- Lượng mưa trung bình năm
- Lượng mưa trung bình năm cao nhất
- Lượng mưa trung bình năm thấp nhất
- Mùa mưa: Từ tháng... đến tháng... trong năm

c) Tình hình sông, suối trong khu vực

Phần II ĐỐI TƯỢNG RỪNG, TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Đối tượng rừng thiết kế khai thác

Thuộc rừng sản xuất, phòng hộ; loại rừng (rừng rất giàu, giàu hay trung bình). 2. Diện tích, trữ lượng rừng

a) Diện tích rừng

b) Trữ lượng rừng

3. Các nhân tố bình quân

D1.3m (cm), Hvn (m), M/ha (m³), G/ha (m²), N/ha (cây)

4. Tổ thành rừng

5. Đánh giá chung về tình hình rừng

6. Độ tàn che

Phần III CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC

1. Phương thức khai thác

2. Luân kỳ khai thác

3. Trữ lượng rừng
 - a) Tổng trữ lượng rừng
 - b) Trữ lượng bình quân/ha
4. Cường độ khai thác bình quân
5. Tổng số cây bài khai thác
 - 5.1. Cây bài khai thác chính
 - 5.2. Cây bài khai thác tận dụng
 - a) Cây bài khai thác trên các công trình sản xuất (VX,VC, BG...)
 - b) Cây bài chặt vệ sinh, thải loại
6. Trữ lượng cây bài khai thác
 - 6.1. Trữ lượng cây bài khai thác chính
 - 6.2. Trữ lượng cây bài khai thác tận dụng
 - a) Trữ lượng cây bài khai thác trên các công trình sản xuất (VX,VC, BG...)
 - b) Trữ lượng cây bài chặt vệ sinh, thải loại
7. Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi
 - a) Gỗ thân (gỗ lớn)
 - b) Gỗ cành, ngọn
 - c) Củi
8. Sản lượng gỗ, củi
 - a) Gỗ khai thác chính
 - Gỗ thân (gỗ lớn)
 - Gỗ cành, ngọn
 - b) Gỗ khai thác tận dụng
 - c) Củi

Phần IV CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Dự kiến đường vận chuyển

Đường vận chuyển ra bãi giao có tổng chiều dài dự kiến là..., trong đó:

 - Đường vận chuyển dự kiến làm mới:
 - Đường vận chuyển cũ phải sửa chữa:
 - Đường vận chuyển cũ còn sử dụng được không phải sửa chữa:
 2. Đường vận xuất
 - a) Yêu cầu đường vận xuất:
 - b) Loại hình vận xuất: Máy kéo bánh xích, bánh hơi hay vận xuất bằng trâu, voi...
 - c) Cự ly vận xuất bình quân:
 - d) Mật độ đường vận xuất/ha:
 - e) Tổng số tuyến vận xuất: ... tuyến với chiều dài... m.
 3. Bãi gom
 - a) Yêu cầu bãi gom:
 - b) Tổng số bãi gom:... bãi với diện tích... m², trong đó:
 - Bãi gom số 1: Bố trí tại lô..., diện tích là... m², chứa gỗ lô..., khoanh..., tiểu khu...
 - Bãi gom số 2:...
 4. Lán trại

Vị trí, diện tích...
 5. Bãi giao

Vị trí, diện tích...
- ...

Phần V **KHAI THÁC, VẬN XUẤT, VẬN CHUYÊN**

1. Chuẩn bị rừng trước khai thác

Các công việc phải làm trước khi khai thác bao gồm: bàn giao hồ sơ tài liệu, giao nhận rừng, luồng phát rừng, làm đường vận xuất, vận chuyên, bãi gom theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Khai thác

2.1. Đối tượng khai thác: Chỉ được phép khai thác những cây có dấu búa bài khai thác (nêu quy định về bài cây khai thác chính, cây khai thác tận dụng gỗ đường, gỗ bãi, bài vệ sinh thải loại).

2.2. Kỹ thuật khai thác:

- Nêu kỹ thuật khai thác áp dụng, các nội dung công việc phải thực hiện, các quy định về khai thác như: phát dọn quanh gốc cây chặt, làm đường tránh, đèo bạnh về, mở miệng, cắt gáy chọn hướng đổ, chiều cao gốc chặt, trình tự khai thác...

3. Vận xuất, phân loại, lập lý lịch gỗ tại bãi gom

Trình tự vận xuất, phân loại, lập lý lịch gỗ theo quy định hiện hành.

4. Vận chuyên gỗ ra bãi giao

Trình tự gỗ vận chuyên ra bãi giao và nghiệm thu đóng búa kiểm lâm.

5. Vệ sinh rừng sau khai thác

Thời gian chậm nhất phải hoàn thành vệ sinh rừng sau khai thác, kỹ thuật vệ sinh rừng sau khai thác, tận dụng gỗ, củi trong quá trình vệ sinh rừng.

Phần VI **CÔNG ĐÀU TƯ**

1. Tổng công ra bãi giao

Trong đó:

- Ra bãi gom
- Ra bãi giao
- Công quản lý

2. Công bình quân một đơn vị sản phẩm ra bãi giao

Trong đó:

- Ra bãi gom
- Ra bãi giao
- Công quản lý

Phần VII **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận

2. Kiến nghị

THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

Ngày tháng năm
CHỦ NHIỆM CÔNG TRÌNH

Biểu 2: BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC**Biểu 2a. BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC THEO LOÀI CÂY CHỦ YẾU**

TK	K	Lô	Tổng (m3)	Xoay	Giới	Re									

Biểu 2b. BIỂU SẢN PHẨM KHAI THÁC THEO NHÓM GỖ, CẤP KÍNH VÀ ĐỘ CỨNG

TK	K	Lô	Tổng (m3)	Phân loại sản phẩm																
				Phân theo nhóm gỗ (8 nhóm)						Phân theo cấp kính (cm)				Phân theo độ cứng (4 cấp)						
				I	II	III	IV	V	40-50	51-60	61-70	...	ĐB cứng	Cứng	Vừa	Mềm		

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 3: BIỂU CÁC CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Bãi gom		
1	Số bãi	Bãi	
2	Diện tích	m ²	
II	Đường vận xuất	m	
	...		
III	Đường vận chuyển	m	
1	Đường vận chuyển dự kiến mở mới	m	
2	Bảo dưỡng đường vận chuyển	m	
	...		
IV	Lán trại	m²	
V	Bãi giao	m²	
...			

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 4: BIỂU CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ- KỸ THUẬT ÁP DỤNG

TT	Hạng mục	ĐVT	Số bình quân	Ghi chú
I	Đặc điểm sản xuất			
1	Cự ly vận xuất bình quân	m		
2	Mật độ đường vận xuất/ha	m/ha		
3	Diện tích bãi gom trên 1 ha	m ² /ha		
4	Cự ly vận chuyển đến bãi giao	m		
5	Tỷ trọng cơ giới, thủ công	%		
	- Chặt hạ, cắt khúc	"		
	- Vận xuất	"		
	- Vận chuyển	"		
	- Làm đường, làm bãi	"		
	...			
II	Định mức áp dụng			
1	Chặt hạ, cắt khúc	m ³ /ca		
2	Vận xuất	"		
3	Bóc, dỡ gỗ	"		
4	Phân loại gỗ	"		
5	Chặt vệ sinh, bãi thải	"		
6	Làm bãi	Ca+ C/km		
7	Làm đường vận xuất	Ca+ C/km		
8	Làm đường vận chuyển	Ca+ C/km		
9	Bảo dưỡng đường vận chuyển	Ca+ C/km		
10	Giao nhận rừng	Công/ha		
11	Giao nhận sản phẩm	Công/m ³		
12	Bảo vệ bãi	Người/khu KT		
13	Sửa chữa xe, máy	Công/tháng/xe		
14	Làm lán trại	m ² /công		
15	Vận chuyển lâm sản	Tấn/km/xe/năm		
16	Cung ứng vật tư	Công/1.000m ³		
	...			
17	Công quản lý	%		
18	Thiết kế khai thác	Công/m ³		
19	Thẩm định thiết kế khai thác	Công/m ³		
20	Luồng phát rừng	Công/ha		
21	Vệ sinh rừng sau khai thác			
	...	Công/ha		

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 5: BIỂU TÍNH CÔNG ĐẦU TƯ

TT	Hạng mục	Khối lượng	Công/m ³	Ghi chú
	Tổng			
A	Ra bãi gom			
I	Công trực tiếp			
1	Chặt hạ, cắt khúc			
2	Vận xuất			
3	Phân loại, xếp đống			
	...			
II	Công phục vụ			
1	Làm bãi gỗ			
2	Làm đường vận xuất			
3	Giao nhận rừng			
4	Giao nhận sản phẩm			
5	Bảo vệ bãi gỗ			
6	Làm lán trại			
	...			
III	Các công khác			
1	Thiết kế khai thác			
2	Thẩm định thiết kế			
3	Luồng phát rừng			
4	Chặt vệ sinh bãi thái			
5	Vệ sinh rừng sau khai thác			
	...			
B	Ra bãi giao			
1	Lái phụ xe vận chuyển lâm sản			
2	Bốc, dỡ gỗ			
3	Dồn, phân loại gỗ			
4	Bảo vệ			
5	Sửa chữa xe, máy			
6	Cung ứng vật tư			
7	Bảo dưỡng đường vận chuyển			
	...			
C	Công quản lý			
	Công quản lý ra bãi giao	15 % (A+B+C)		

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Biểu 6: BIỂU TÍNH CHI PHÍ SẢN XUẤT

TT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí nhân công				
1	Chặt hạ, cắt khúc				
2	Vận xuất				
3	Phân loại, xếp đống				
4	Làm bãi gỗ				
5	Làm đường vận xuất				
6	Giao nhận rừng				
7	Nghiệm thu sản phẩm				
8	Bảo vệ bãi gỗ				
9	Làm lán trại				
10	Phục vụ sinh hoạt				
11	Luồng phát rừng				
12	Vệ sinh rừng sau khai thác				
13	Vận chuyển lâm sản				
14	Sửa chữa xe, máy				
15	Cung ứng vật tư				
16	Sửa chữa đường vận chuyển				
	...				
II	Chi phí nhiên liệu, vật tư				
1	Làm đường vận xuất				
2	Sửa chữa đường vận chuyển				
3	Làm bãi gỗ				
4	Chặt hạ, cắt khúc				
5	Chi phí vận xuất				
6	Chi phí phân loại, xếp đống				
7	Chi phí vận chuyển				
8	Dồn gỗ phân loại gỗ				
9	Chặt vệ sinh bãi thải				
	...				
III	Chi phí khác				
1	Thiết kế khai thác				
2	Thẩm định thiết kế				
	...				
IV	Công quản lý				
V	Cộng (I, II, III,IV)				
	...				
	Tổng chi phí sản xuất				

Ngày tháng năm
 Người lập biểu

9. Tên thủ tục: Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển hồ sơ cho Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nếu hợp lệ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và PTNT cấp phép khai thác.</p> <p>Bước 4. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản (<i>theo mẫu</i>); - Các tài liệu và bản đồ khu khai thác; - Biên bản nghiệm thu thiết kế khai thác giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn (nếu thuê đơn vị tư vấn). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. - 10 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phép khai thác (<i>Phụ lục 3, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>)¹⁶⁾; - Đề cương hồ sơ thiết kế khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản theo (<i>Phụ lục 1, Thông tư 21/2016/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng trồng</p> <p>1. Rừng phòng hộ là rừng trồng do ngân sách nhà nước đầu tư chi được khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ, tia thưa; thu gom cây gỗ nằm, gỗ khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ cây, nhưng phải bảo đảm mật độ cây trồng chính còn lại ít nhất là 600 cây/hecta.</p> <p>2. Rừng phòng hộ là rừng trồng có hỗ trợ của ngân sách nhà nước, hỗ trợ của chương trình, dự án có nguồn gốc ngân sách nhà nước.</p> <p>a) Khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ;</p> <p>b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 20 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg (<i>có phụ lục kèm theo</i>) hoặc khai thác trắng theo băng, đám xen kẽ nhau, với tổng diện tích khai thác hàng năm không vượt quá 20 phần trăm diện tích rừng trồng đã đạt tiêu chuẩn định hình và diện tích mỗi khu chặt trắng tối đa không quá 03 (ba) hecta; sau</p>

¹⁶⁾ Sử dụng mẫu Giấy đề nghị tại TTHC số 8, mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp (phụ lục 3)

	<p>khai thác phải trồng lại vào vụ trồng rừng kế tiếp. Băng khai thác phải thiết kế theo đường đồng mức, có chiều rộng tối đa là 20 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 30 mét đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu; đám khai thác có diện tích tối đa là 01 (một) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và 02 (hai) hecta đối với rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu. 3. Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng do người được giao, thuê hoặc khoán rừng phòng hộ tự đầu tư a) Được khai thác cây trồng xen, cây phụ trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ; b) Được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác với cường độ khai thác không quá 30 phần trăm trữ lượng, sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn định hình quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg (có phụ lục kèm theo). Phương thức khai thác thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 nêu trên.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT, ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>

Phụ lục 1: Mẫu đề cương thiết kế khai thác

(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị chủ quản:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên đơn vị.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỒ SƠ
THIẾT KẾ KHAI THÁC, TẬN DỤNG, TẬN THU LÂM SẢN**

I. Đặt vấn đề:

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác).....
- Mục đích khai thác.....

II. Tình hình cơ bản khu khai thác

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô....., khoảnh ,..... Tiểu khu:

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Tây giáp.....
- Phía Đông giáp.....

2. Diện tích khai thác:.....ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

III. Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:

1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân.....
2. Sản lượng cây đứng...
3. Tỷ lệ lợi dụng:
4. Sản lượng khai thác.

(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

IV. Sản phẩm khai thác:

- Tổng sản lượng khai thác..... (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:

+ Gỗ: số cây....., khối lượngm³

+ Lâm sản ngoài gỗ.....((m³/ cây/tấn..)

- Chung loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)

V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.

a) Chặt hạ:

b) Vận xuất:

c) Vận chuyển

d) Vệ sinh rừng sau khai thác

e) Thời gian hoàn thành.

VI. Kết luận, kiến nghị.

Chủ rừng /đơn vị khai thác

(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục:

Điều 6. Tiêu chuẩn định hình khu rừng phòng hộ (Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Các khu rừng phòng hộ định hình khi đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này.
2. Tiêu chuẩn định hình chung đối với các khu rừng phòng hộ khi đạt các tiêu chí sau:
 - a) Tỷ lệ diện tích đất có rừng trên diện tích của toàn khu rừng phòng hộ phải từ 70 phần trăm trở lên;
 - b) Diện tích có rừng liền khoảnh từ 0,5 hecta trở lên, nếu là dải cây rừng phải có chiều rộng tối thiểu 20 mét và có từ 03 hàng cây trở lên;
 - c) Là một hệ sinh thái, trong đó thành phần chính là các loài cây lâu năm thân gỗ, cau dừa, tre nứa có chiều cao vút ngọn từ 5,0 mét trở lên (trừ một số loài cây rừng ngập mặn ven biển).
3. Tiêu chuẩn định hình cụ thể bổ sung đối với từng loại rừng phòng hộ
 - a) Khu rừng phòng hộ đầu nguồn đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng có khả năng duy trì, điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, giảm xói mòn. Độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu phải từ 0,8 trở lên; độ tàn che của rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu phải từ 0,6 trở lên;
 - b) Khu rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, rừng đã phát huy tác dụng ngăn chặn hoặc làm suy giảm tác hại của gió, cát cho vùng sản xuất và khu dân cư, nâng cao hoặc ổn định năng suất cây nông nghiệp;
 - c) Khu rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển đạt tiêu chuẩn định hình khi cây rừng đã khép tán, hệ rễ phát triển, rừng phát huy tác dụng chắn sóng, ổn định đất, tăng khả năng bồi lấp bờ biển, ngăn chặn hoặc làm giảm sạt lở, bảo vệ các công trình ven biển, ven sông;
 - d) Khu rừng phòng hộ bảo vệ môi trường đạt tiêu chuẩn định hình khi rừng đã có tác dụng ngăn chặn hoặc giảm ô nhiễm không khí, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan, môi trường trong sạch cho khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, nghỉ ngơi.

10. Tên thủ tục: Thẩm định và phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 508 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, <p>Bước 2. Tổ chức tham gia họp kiểm tra Phương án quản lý rừng bền vững tại Chi cục Kiểm lâm và trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bước 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững.</p> <p>Bước 5. Tổ chức nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững (<i>theo mẫu</i>); - Biên bản nghiệm thu ngoại nghiệp kết quả điều tra hiện trạng rừng giữa chủ rừng và đơn vị tư vấn; - Phương án quản lý rừng bền vững kèm theo hệ thống bảng biểu, bản đồ (<i>theo mẫu</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày để kiểm tra (nếu hợp lệ), nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định; - 20 ngày tiếp theo để cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.
Đối tượng thực hiện	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp (nếu phức tạp hiện trường): Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Đơn vị tư vấn, Chủ rừng.
Kết quả	Quyết định hành chính.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định phương án (<i>Phụ lục VI, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT</i>); - Bản thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững (<i>Phụ lục II - đối với rừng tự nhiên; Phụ lục III - đối với rừng trồng, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng phải thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ (<i>Có phụ lục kèm theo</i>); - Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo Điều 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ (<i>Có phụ lục kèm theo</i>).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ - Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ

PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

MẪU TỜ TRÌNH

CQ QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-...

....., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định/ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ Thông tư /2014/TT-BNNPTNT ngày / /2014 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn về Phương án quản lý rừng bền vững, đề nghị Sở NN&PTNT thẩm định/ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững với những nội dung sau:

1. Tên chủ rừng.
2. Địa chỉ.
3. Mục tiêu Phương án.
4. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai và kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng.
5. Bố trí quy hoạch sử dụng đất, sử dụng rừng; kế hoạch sản xuất, kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của Phương án.
6. Hệ thống giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện Phương án.

Kính trình quý sở xem xét thẩm định/ phê duyệt Phương án./.

Người đại diện của chủ rừng
(ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng tự nhiên)

Phần 1

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

Mở đầu

Trong phần này nêu được các nội dung chính sau:

1. Khái quát chung về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác quản lý bảo vệ rừng của chủ rừng.
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là Phương án).

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Trong phần này liệt kê những văn bản có nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện Phương án, gồm: Luật; Pháp lệnh; Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của các bộ, ngành Trung ương và những văn bản pháp lý, chỉ đạo của cơ quan cấp tỉnh, huyện.

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

Liệt kê những Công ước, thỏa thuận Quốc tế mà Việt Nam đã ký kết có nội dung có liên quan đến việc xây dựng và thực hiện Phương án.

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

Trong phần này liệt kê những tài liệu được sử dụng trong xây dựng Phương án, ví dụ như:

1. Bản đồ: bản đồ tài nguyên rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng.
2. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, huyện.
3. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, quy hoạch sử dụng đất của đơn vị.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị được thành lập khi nào, chức năng và nhiệm vụ, nêu sơ đồ tổng quát.
2. Tổ chức sản xuất của đơn vị thế nào: tên bộ phận, nhiệm vụ sản xuất; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; tay nghề công nhân.
3. Nêu số lượng và đánh giá chất lượng của các trang thiết bị máy móc làm việc và phục vụ sản xuất; mô tả sơ đồ công nghệ ở những khâu sản xuất chính.

Nhận xét những vấn đề gì ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

II. ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

1. Đơn vị thuộc vùng khí hậu nào, chế độ gió, hướng gió thịnh hành; mùa mưa, mùa khô là thời gian nào trong năm.
2. Thủy văn: lượng mưa trung bình, cao nhất, thấp nhất; sự phân bố của hệ thống sông, suối chính.
3. Địa chất và thổ nhưỡng: loại đất chủ yếu, tầng dày, tình hình phân bố.

Nhận xét: với những đặc điểm trên thì có ảnh hưởng tích cực, hoặc tiêu cực như thế nào đối với

hoạt động của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

III. ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Đa dạng thực vật rừng: mô tả các loài cây chủ yếu và các loài cây quý hiếm, khu vực cần được bảo vệ nguồn gen.

2. Đa dạng động vật rừng (cũng tương tự như thực vật rừng).

Nhận xét: có những vấn đề gì cần quan tâm chú ý về tính đa dạng sinh học khi xây dựng và thực hiện Phương án.

IV. GIAO THÔNG

Nêu tên, chiều dài các tuyến đường giao thông (quốc lộ, liên tỉnh, liên huyện...), trong khu vực mà có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đơn vị. Mô tả khái quát về chất lượng của các tuyến đường trên và những vấn đề cần quan tâm.

Nhận xét: có những thuận lợi, khó khăn gì trong công tác quản lý rừng về hiện trạng giao thông này. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

V. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

Mô tả đặc điểm về dân số, lao động, độ tuổi, dân tộc; mật độ dân số bình quân, trình độ dân trí, chất lượng lao động, thu nhập bình quân; thống kê các cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi của địa phương tại khu vực hoạt động của đơn vị.

Nhận xét: tình hình kinh tế - xã hội có những ảnh hưởng gì đối với công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VI. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Mô tả tại lâm phần của đơn vị có những loại dịch vụ môi trường rừng nào (hoạt động du lịch, sản xuất nguồn nước sinh hoạt; nước công nghiệp, sản xuất thủy điện...). Địa điểm, diện tích hoặc quy mô các dịch vụ đó.

Nhận xét: có những thuận lợi, khó khăn gì khi sử dụng các loại dịch vụ môi trường rừng ở địa phương. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VII. TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Mô tả quy mô về diện tích, địa danh (tên tiểu khu) 3 loại rừng (sản xuất, phòng hộ, đặc dụng) của đơn vị.

2. Mô tả về hiện trạng rừng và sử dụng đất, cụ thể:

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng gỗ lá rộng theo loại rừng; rừng hỗn giao; rừng lá kim; rừng ngập mặn; rừng núi đá;

- Diện tích rừng trồng: rừng có trữ lượng; rừng chưa có trữ lượng;

- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng;

- Đất khác nằm xen kẽ trong lâm phần của đơn vị;

- Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân, khả năng khai thác và những vấn đề khác có liên quan đến chất lượng tài nguyên (nếu có).

Nhận xét: tình hình tài nguyên có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn gì đối với công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

VIII. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

1. Quản lý rừng tự nhiên: diện tích bao nhiêu, chất lượng thế nào, phương thức quản lý ra sao, hiện có khai thác không, nếu có thì khai thác bao nhiêu, hiệu quả kinh tế.

2. Quản lý rừng trồng: diện tích bao nhiêu, loại cây gì, phương thức quản lý ra sao, hiện có khai thác không, nếu có thì khai thác bao nhiêu, hiệu quả kinh tế.

3. Công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy và sâu bệnh hại rừng: tổ chức thực hiện thế nào, trang thiết bị, cơ sở vật chất đầu tư cho công tác này.

4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ: có loại lâm sản chủ yếu nào, có khai thác không, phương thức khai thác thế nào, hiệu quả kinh tế mang lại.

5. Quản lý dịch vụ: có những cơ sở chế biến nào, sản phẩm chế biến là gì, nguồn nguyên liệu cung ứng, hiệu quả kinh tế.

6. Các hoạt động sản xuất khác như thế nào (nếu có).

Nhận xét: những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý rừng, tổ chức sản xuất. Những vấn đề gì ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Những vấn đề gì cần quan tâm chú ý khi xây dựng và thực hiện Phương án.

Chương 3

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

Trong phần này nêu được mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể cho Phương án phải đạt được trong một luân kỳ, trong đó phải xác định được các nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu kinh tế

a) Sản lượng gỗ khai thác ổn định từ rừng tự nhiên và rừng trồng, khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

b) Giá trị sản xuất từ các hoạt động sản xuất khác trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

c) Tổng doanh thu lợi nhuận đạt được, giá trị nộp ngân sách trong cả luân kỳ, các giai đoạn 5 năm và từng năm.

2. Mục tiêu xã hội - môi trường

a) Giải quyết được bao nhiêu việc làm, thu nhập bình quân của người lao động; cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được xây dựng.

b) Tổng diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng, độ che phủ của rừng đạt được sau luân kỳ; giai đoạn 5 năm và từng năm.

II. PHÂN LOẠI RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

1. Vùng có giá trị bảo tồn cao

Khu vực không khai thác gỗ chỉ thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và khai thác lâm sản ngoài gỗ theo phương thức phân tán.

2. Vùng kinh doanh rừng

Khu vực khai thác gỗ hạn chế được thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung; khai thác lâm sản ngoài gỗ. Đối với khai thác gỗ phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Khu vực sản xuất gỗ được tổ chức mọi hoạt động quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng và sử dụng rừng theo kế hoạch sản xuất của đơn vị.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG BỀN VỮNG

Thuyết minh các kế hoạch quản lý rừng bền vững ở Mục 3, Chương 2 của Thông tư này (nếu có).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về công tác quản lý

Đề đáp ứng được yêu cầu kinh doanh bền vững thì công tác quản lý phải có những đổi mới, mô tả mô hình quản lý đối với từng khâu công việc. Những khâu công việc nào cần được tăng cường, chú ý về công tác quản lý.

2. Giải pháp về quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị

Nội dung này, nêu các nội dung phối hợp, trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan, bao gồm: đối với cơ quan chuyên môn; đối với chính quyền địa phương các cấp; đối với người dân và cộng đồng địa phương.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ.

Những lĩnh vực, khâu sản xuất nào cần phải đầu tư về khoa học công nghệ, phương thức tổ chức thực hiện, nhu cầu vốn đầu tư.

4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Dự báo nhu cầu nhân lực, nêu biện pháp huy động nhân lực, kế hoạch đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động ở từng lĩnh vực, từng khâu công việc.

5. Giải pháp về tài chính và tín dụng

Xác định cụ thể về khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư cho từng hạng mục công việc đã xác định trong Phương án, đề ra những biện pháp tài chính, tín dụng để tránh rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.

V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Hiệu quả kinh tế.
2. Hiệu quả xã hội - môi trường.

Chương 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Mô tả và phân công cụ thể về trách nhiệm đối với từng vị trí, bộ phận, tổ sản xuất của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định trong Phương án.

II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Mô tả được mục tiêu của công tác kiểm tra, giám sát phải đạt được là gì. Xác định cụ thể các chỉ tiêu kiểm tra, giám sát đối với từng khâu công việc.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những nội dung cơ bản có tính chất tổng hợp nhất đã được xác định trong Phương án. Việc thực hiện Phương án sẽ đạt được những kết quả gì nổi bật so với phương thức trước đó.
2. Để thực hiện Phương án đạt mục tiêu đề ra, những vấn đề gì khó khăn phải kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để tháo gỡ, hoặc cần phải bổ sung cơ chế, chính sách gì./.

Phần 2 HỆ THỐNG BIỂU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG (Đối với rừng tự nhiên)

Biểu 01: Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

STT	Hạng mục	Diện tích		Trữ lượng (m ³ /1000 cây)	
		ha	%	m ³ /1000 cây	% (với gỗ)
1	2	3	4	5	6
	Tổng diện tích tự nhiên				
I	Diện tích có rừng				
1	Rừng tự nhiên				
1.1	Rừng gỗ				
1.1.1	Rừng lá rộng TX và nửa rụng lá				
	- Rất giàu				
	- Giàu				
	- Trung bình				
	- Nghèo				
1.1.2	Rừng lá rộng rụng lá				
	- Rất giàu				
	- Giàu				
	- Trung bình				
	- Nghèo				
1.1.3	Rừng lá kim				
1.1.4	Rừng gỗ hỗn giao LR + LK				
1.2	Rừng gỗ + tre nứa				
1.3	Rừng tre nứa + gỗ				
1.4	Rừng tre nứa				

2	Rừng trồng				
2.1	Rừng gỗ				
2.2	Rừng tre nứa				
2.3	Rừng đặc sản				
2.4	Loại khác				
II	Đất LN chưa có rừng				
1	Ia				
2	Ib				
3	Ic				
III	Đất nông nghiệp				
IV	Đất khác				

Biểu 02: Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng theo tiểu khu

Tên tiểu khu	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)											Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng (ha)	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	Diện tích đất khác (ha)	
		Cộng	Rừng gỗ tự nhiên													Rừng trồng
			Rừng rất giàu	Rừng giàu	Rừng trung bình	Rừng nghèo	Rừng lá kim	Rừng hỗn giao LR-LK	Rừng hỗn giao tre nứa, gỗ	Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa	Rừng tre nứa					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1. Rừng phòng hộ																
125																
-																
129																
Cộng																
2. Rừng sản xuất																
139																
-																
142																
Cộng																
Tổng cộng																

Biểu 03: Trữ lượng các loại rừng theo tiểu khu

Số hiệu TK	Tổng cộng	Trữ lượng rừng (m ³ /ha; 1000 cây/ha)											
		Cộng	Rừng gỗ tự nhiên										Rừng trồng
			Rừng rất giàu	Rừng giàu	Rừng trung bình	Rừng nghèo	Rừng lá kim	Rừng hỗn giao LR-LK	Rừng hỗn giao tre nứa, gỗ	Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa	Rừng tre nứa		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1. Rừng phòng hộ													
125													
-													
129													
Cộng													

2. Rừng sản xuất																	
139																	
-																	
142																	
Cộng																	
Tổng cộng																	

Biểu 04: Dân sinh - kinh tế - xã hội (thống kê các xã liên quan đến lâm phần của đơn vị)

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Nhân khẩu			Lao động			Diện tích canh tác bình quân (ha/hộ)			Thu nhập bình quân (1000 đồng/hộ)			Nhu cầu sử dụng lâm sản hàng năm (m ³ /hộ; tấn/hộ)		
			Tổng	Kinh	DT khác	Tổng	Nam	Nữ	Tổng	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Gỗ	Củi	Lâm sản khác
1	2	3	4	5	6	7				8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xã A																
1	Làng 1																
2	Làng 2																
-																	
-																	
II	Xã B																
1	Làng 1																
2	Làng 2																
-																	
-																	
...																	
	Tổng cộng																

Biểu 05: Hiện trạng đường giao thông thống kê trong lâm phần và khu giáp ranh

STT	Loại đường	Tên tuyến	Số hiệu tuyến (nếu có)	Cấp đường	Chiều dài (km)	Mô tả đánh giá
1	2	3	4	5	6	7
I.	Trong lâm phần					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
...						
	Quốc lộ					
II	Khu vực giáp ranh					
1	Liên xã					
2	Liên huyện					
...						
	Quốc lộ					
Tổng						

Biểu 06: Quy hoạch, bố trí sử dụng đất đai

DVT: ha

STT	Hạng mục	Tổng	Phân ra				
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất trồng	Đất nông nghiệp	Đất khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng diện tích tự nhiên						
I	Quy hoạch đất lâm nghiệp						
1	Quy hoạch vùng bảo vệ						
-	Bảo vệ đất						
-	Bảo vệ lưu vực nước						
-	Bảo vệ dọc sông suối						
-	Rừng có giá trị bảo tồn cao						
-	Bảo vệ môi trường sông của động vật						
-	Bảo vệ di tích, văn hóa, tín ngưỡng						
	...						
2	Quy hoạch vùng sản xuất						
-	Khu vực khai thác gỗ rừng tự nhiên						
-	Khu vực khai thác gỗ rừng trồng						
-	Khu vực khai thác lâm sản ngoài gỗ						
II	Quy hoạch đất nông nghiệp						
-	Quy hoạch ruộng nước						
-	Quy hoạch đất trồng màu						
-	Quy hoạch trồng cây công nghiệp						
-	Quy hoạch đất nông nghiệp khác						
	...						
III	Quy hoạch khác						
-	Thủy điện						
-	...						

Biểu 07. Kế hoạch bảo rừng

STT	Giai đoạn/năm	Địa danh (TK)	Diện tích (ha)	Nội dung	Dự kiến KH	
					Cơ sở vật chất (nếu có)	Kinh phí (đồng)
1	Giai đoạn 1					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
-	Năm 201..					
2	Giai đoạn ...					

Biểu 08: Kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích (ha)	Trữ lượng bình quân (m ³ /ha)	Sản lượng khai thác dự kiến (m ³)		
		Khoảnh	Tiểu khu			Gỗ lớn	Gỗ tận dụng	Củi
1	2	3	4	5	6	7	8	
I	20....							

II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 11: Kế hoạch làm giàu rừng

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích tác động (ha)	Số lượng tận dụng (m ³)		Biện pháp kỹ thuật	Vốn đầu tư (đồng)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi		Đơn giá	Kinh phí
I	20... - 20...								
1									
2									
3									
4									
5									
II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 12: Kế hoạch cải tạo rừng

STT	Giai đoạn	Địa danh		Diện tích tác động (ha)	Số lượng tận dụng (m ³)		Biện pháp kỹ thuật	Vốn đầu tư (đồng)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi		Đơn giá	Kinh phí
I	20... - 20...								
1									
2									
3									
II	20... - 20...								
III									
	Tổng cộng								

Biểu 13: Kế hoạch trồng rừng

STT	Giai đoạn	Hạng mục					
		Địa danh		Diện tích (ha)	Loài cây trồng	Đơn giá (đồng)	Dự toán (đồng)
		Khoảnh	Tiểu khu				
1	2	3	4	5	6	7	8
I	20..- 20..						
1							
2							
3							
4							
5							
II	20..- 20..						
1							
2							
-							
-							
	cộng						
	T.cộng						

Biểu 14: Kế hoạch khai thác rừng trồng

STT	Giai đoạn	Hạng mục				
		Địa danh		Diện tích (ha)	Sản lượng (m ³)	
		Khoảnh	Tiểu khu		Gỗ	Củi
1	2	3	4	5	6	7
I	20..- 20..					
1						
2						
3						
4						
5						
II	20..- 20..					
1						
2						
-						
-						
	T.cộng					

Biểu 15: Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ

STT	Giai đoạn	Tre nứa		Song mây		Nhựa thông	
		Diện tích (ha)	Sản lượng (1000 cây)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)		
I	20..-20..								
1									
2									
3									
II	20..-20..								
1									
2									

-									
-									
T. cộng									

Biểu 16: Kế hoạch sản xuất nông lâm kết hợp

Giai đoạn	20... -20...		20... -20...		20... -20...		20... -20...	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
I/ Trồng cây lương thực								
-								
-								
...								
II/ Trồng cây công nghiệp								
-								
-								
...								

Biểu 17: Kế hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ

STT	Giai đoạn	Khối lượng gỗ tròn (m ³)	Sản phẩm chính			
			Gỗ xẻ (m ³)	Ván nhân tạo (m ³)
1	20.. - 20..					
2	20.. - 20..					

Biểu 18: Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	20..-	20..-	20..-	20..-	20..-
			20...	20...	20...	20...	20...
1	Làm đường Vận chuyển Vận xuất	km					
2	Xây nhà Nhà làm việc Trạm bảo vệ rừng	cái					
3	...						
Tổng							